

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 396/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 03-4-2023

V/v Tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Trịnh Minh Đức;

2. Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2022/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 636/2022/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 528/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2323/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: W - 1706 khu C, số B đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T ủy quyền cho ông Thân Công T1, sinh năm 1976, địa chỉ C Chung cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H ủy quyền cho bà Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh năm 1987, địa chỉ số D đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện. (có mặt)
(Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2020)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H' Wiêng N1, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. Bà Quách Thị H2, sinh năm 1960

Địa chỉ: số D đường C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

5. Văn phòng C

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Do ông Lê Ngọc M – Trưởng Văn phòng làm đại diện. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H là vợ chồng. Ngày 28/01/2016, bà T và ông H thỏa thuận ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 78/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận 7; khi ly hôn bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung nhưng sau đó hai bên phát sinh tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2017 và trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Phương T – nguyên đơn trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân bà T và ông H có tạo lập được một số tài sản chung khoảng 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ) đồng, cụ thể:

- 01 (một) xe ô tô biển số xe 51F-217.38 (hiệu Porsche) mua năm 2015, giá trị còn lại khoảng 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng; hiện ông H là người quản lý, sử dụng và đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Nhà và đất tọa lạc tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng.

Nhà đất này do ông H đứng ra thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại nền nhà (lô đất D98) với bà Nguyễn Thị Thanh T3 với số tiền là 6.510.000.000 (sáu tỷ năm trăm mười triệu) đồng vào ngày 13/10/2012 sau đó Công ty Cổ phần H4 (chủ đầu tư) tiến hành xây dựng phần thô và bàn giao nhà thô cho bà và ông H vào ngày 12/8/2013; bà và ông H tiếp tục hoàn thiện nhà, đến giữa năm 2014 thì hoàn thành và sinh sống ở đó.

Ngày 04/02/2015, Công ty Cổ phần H4 gửi thông báo xác định căn nhà D98 có số nhà được cấp là số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó bà và ông H làm thủ tục đăng ký và được cấp hộ khẩu thường trú vào ngày 25/5/2015.

Khi Công ty Cổ phần H4 thông báo sẽ làm thủ tục để chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu căn nhà thì ông H vi phạm chế độ hôn nhân gia đình, sống với người thứ 3, thời điểm nộp đơn ly hôn do căn nhà này chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nên bà T buộc phải chấp nhận đề nghị của ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung mà để hai bên tự thỏa thuận.

Sau khi ly hôn, ông H nhanh chóng kết hôn với bà H'Wiêng N2 và làm thủ tục để cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, căn nhà này hiện mang tên ông H và bà H'Wiêng N2.

- Các thửa đất trồng cây hàng năm khác (HNK) tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An ước tính khoảng 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, gồm:

+ Thửa số 349, tờ bản đồ số 15, diện tích: 625m² (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX641332, số vào sổ cấp GCN: CH00934 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014);

+ Thửa số 350, tờ bản đồ số 15, diện tích: 611m² (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX641333, số vào sổ cấp GCN: CH00927 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014);

+ Thửa số 375, tờ bản đồ số 15, diện tích: 917m². (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX641334, số vào sổ cấp GCN: CH00932 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014);

+ Thửa số 376, tờ bản đồ số 15, diện tích: 1610m² (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX641335, số vào sổ cấp GCN: CH00931 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014);

+ Thửa số 398, tờ bản đồ số 15, diện tích: 2432m² (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX641336, số vào sổ cấp GCN: CH00930 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014);

+ Thửa số 433, tờ bản đồ số 15, diện tích: 2313m² (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX641337, số vào sổ cấp GCN: CH00929 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014);

+ Thừa số 455, tờ bản đồ số 15, diện tích: 570m² (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BX641338, số vào sổ cấp GCN: CH00928 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014);

+ Thừa số 8, tờ bản đồ số 23, diện tích: 1337m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641339, số vào sổ cấp GCN: CH00933 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/10/2014).

Bà T cho rằng sau khi ly hôn ông H quản lý và sử dụng toàn bộ khối tài sản chung sau đó tìm cách trì hoãn và né tránh việc chia tài sản làm cho bà và con bà lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên khởi kiện yêu cầu ông H chia cho bà 50% giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân tương đương với số tiền 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng. Nếu ông H nhận căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G thì phải chuyển giao cho bà Quyền sở hữu chiếc xe Porsche biển số 51F-217.38 và toàn bộ phần đất tọa lạc tại ấp R xã M, huyện Đ, tỉnh Long An đồng thời phải thanh toán cho bà số tiền 10.000.0000.000 (mười tỷ) đồng.

Ngày 19/4/2018, bà T bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng các thửa đất tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An giữa ông Nguyễn Mạnh H, bà H'Wieng N3 với bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Đ lập tại Văn phòng C. Tại phiên tòa sơ thẩm (lần 1) bà T đã rút lại yêu cầu này.

Đối với các yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Mạnh H: Bà T cho rằng căn hộ W3-1706 tầng 17 Tòa nhà C (số B N, phường T, Quận G) và chiếc xe ô tô hiệu Audi biển số 51A-025.25 là tài sản riêng của bà mua trong thời kỳ hôn nhân nên không đồng ý với yêu cầu của ông H về việc yêu cầu Tòa án xác định là tài sản chung của vợ chồng. Đối với số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng được chuyển từ tài khoản của ông H sang tài khoản của bà vào ngày 19/01/2016 là tiền vợ chồng chuyển khoản qua lại trong thời kỳ hôn nhân để giải quyết công việc chung của gia đình, vào thời điểm ly hôn số tiền này không tồn tại nên không đồng ý trả lại theo yêu cầu của ông H.

Về việc ông H yêu cầu bồi thường thiệt hại: Bà T cho rằng căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, việc ông H tự ý giao dịch đặt cọc mua bán, nếu có thiệt hại xảy ra thì ông H tự chịu trách nhiệm.

Ông Nguyễn Mạnh H - bị đơn và bà Nguyễn Ngọc Xuân N – đại diện bị đơn trình bày:

Trước khi bà Nguyễn Thị Phương T nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7 thì ngày 28/01/2016 ông H và bà T đã thỏa thuận với nhau việc phân chia tài sản, cụ thể: Ông H nhận xe ô tô (Porsche) biển số 51F-217.38 và toàn bộ phần đất tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An còn bà T nhận xe ô tô (Audi A6) biển số 51A-02525 và căn hộ tọa lạc tại W - 1706 khu C (số B đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) cùng số tiền mặt là

2.000.000.000 (hai tỷ) đồng; thời điểm bà T nhận căn hộ là trước ngày nộp đơn ly hôn 05 ngày, nhận xe ô tô Audi và số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng là trước khi 02 bên ký biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành tại Tòa án nhân dân Quận 7 là 01 ngày nên ông H không đồng ý yêu cầu này của bà T.

Riêng căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G là tài sản riêng của ông H được hình thành trước thời điểm kết hôn, cụ thể: Ngày 07/6/2013, ông H và bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, Thành phố Hải Phòng thì trước đó vào ngày 13/10/2012 ông H đã nhận chuyển nhượng nền đất ký hiệu D98 (sau này là nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G) từ bà Nguyễn Thị Thanh T3 với số tiền là 6.510.000.000 (sáu tỷ năm trăm mười triệu) đồng.

Ngày 18/10/2012, ông H và bà T3 ký Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở tại Phòng Công chứng số 02 Thành phố H; đến ngày 12/12/2012, ông H có ký Phụ lục Hợp đồng số 7 với Công ty Cổ phần H4 để tiến hành xây dựng căn nhà trên nền nhà D98 và ngày 12/8/2013, ông H và Công ty H4 lập biên bản quyết toán khối lượng xây dựng công trình.

Toàn bộ tiền mua đất và đầu tư xây dựng nhà là tiền của mẹ ông H là bà Quách Thị H2 cho ông H cộng với tiền cá nhân của ông H tích góp, cụ thể: Ngay ngày 18/10/2012, là ngày ký hợp đồng chuyển nhượng Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà, mẹ ông H là người đã trực tiếp chuyển số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng vào tài khoản của bà T3, số tiền còn lại ông là người trực tiếp chuyển cho bà T3 và Công ty Cổ phần H4, bà T không đóng góp số tiền nào và không ký vào các giấy tờ mua bán cũng như đầu tư xây dựng căn nhà nói trên. Do đó ông H khẳng định đây là tài sản riêng của ông nên không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của bà T.

Ngày 25/5/2018, ông H có đơn phản tố yêu cầu: Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T khoảng 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng, bao gồm: Căn hộ W3-1706 tầng 17 Tòa nhà C (số B đường N, phường T, Quận G) trị giá 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng, chiếc xe ô tô (hiệu Audi) biển số 51A-025.25 trị giá 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 trị giá 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng ông đã chuyển vào tài khoản của bà T. Do bà T đã nhận căn hộ, xe ô tô hiệu Audi và số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng nên bà T phải hoàn trả lại cho ông số tiền chênh lệch là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Ngoài ra, ngày 14/3/2018 ông H còn gửi đơn yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại với số tiền là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng do bà T yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời làm cho ông phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thế A 1.000.000.000 (một tỷ) đồng tiền đặt cọc và bồi thường 1.000.000.000 (một tỷ) đồng do không thực hiện được Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G.

Bà H'Wiêng N2 - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà và ông H tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/4/2016.

Căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông H có trước khi đăng ký kết hôn với bà. Việc bà cùng với ông H đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là do vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận bà với ông H đã là vợ chồng.

Bà H'Wiêng N2 xác định không có quyền lợi gì đối với nhà đất nêu trên nên không có ý kiến và yêu cầu gì.

Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T2 - người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà T2 và bà Đ là người trước đây nhận chuyển nhượng của ông H các thửa đất trồng cây hàng năm khác (HNK) tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, thời điểm hai bên thỏa thuận chuyển nhượng đất bà T2 và bà Đ chỉ được biết vợ ông H là bà H'Wiêng N2 chứ không biết bà T; hiện tại toàn bộ phần diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông H, bà T2 và bà Đ đã trồng cây bạch đàn.

Việc chuyển nhượng đã hoàn tất nên bà T2 và bà Đ không có ý kiến và yêu cầu gì, ông H phải có trách nhiệm tự giải quyết tranh chấp với bà T.

Văn phòng Công chứng Lê Ngọc M – người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 19/8/2017, Văn phòng C có tiếp nhận yêu cầu công chứng Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà H'Wiêng N2 với bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị Đ đối với Quyền sử dụng đất tại các thửa số 349, 350, 357, 376, 398, 433, 455 tờ bản đồ số 15 và thửa số 8 tờ bản đồ số 23; các thửa đất nói trên tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 641332, BX 641333, BX641334, BX 641335, BX 641336, BX 641337, BX 641338, BX 641339 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 15/10/2014.

Theo hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng, các bên đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ có liên quan, Công chứng viên đã chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại các thửa đất nêu trên từ ông Nguyễn Mạnh H và vợ là bà H'Wiêng N2 sang cho bà Nguyễn Thị T2 và Nguyễn Thị Đ.

Văn phòng C1 đã thực hiện việc công chứng hợp đồng nêu trên đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thế A – người làm chứng trình bày:

Ngày 26/7/2017, ông có ký Hợp đồng đặt cọc với ông Nguyễn Mạnh H và bà H'Wiêng N2 để mua căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T,

Quận G; tuy nhiên hợp đồng sau đó đã bị hủy bỏ và bên bán đã tự nguyện hoàn trả lại tiền đặt cọc và phạt cọc theo hợp đồng nên ông không có ý kiến và yêu cầu gì đối với vụ kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 619/2018/DSST ngày 16/11/2018, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Phương T.

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn – ông Nguyễn Mạnh H.

1. Xác định nhà và đất tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H. Bà T được hưởng 40% (bốn mươi phần trăm) giá trị và ông H được hưởng 60% (sáu mươi phần trăm) giá trị.

2. Xác định các thửa đất tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H. Bà T và ông H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị Quyền sử dụng đất.

3. Xác định xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H. Bà T được hưởng 30% (ba mươi phần trăm) giá trị và ông H được hưởng 70% (bảy mươi phần trăm) giá trị.

4. Đình chỉ yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 19/8/2017 giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà H'Wiêng N2 với bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị Đ tại Văn phòng C.

.....

Ngày 23/11/2019, ông Nguyễn Mạnh H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 593/2019/DSPT ngày 24/6/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ngày 30/7/2019, ông Nguyễn Mạnh H có đơn đề nghị Giám đốc thẩm.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 12/2020/HN- GĐT ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 619/2018/DSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 và Bản án dân sự phúc thẩm số 593/2019/DSPT ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm lần 2 (sau khi Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm):

Bà Quách Thị H2 - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H2 là mẹ ruột của ông Nguyễn Mạnh H. Ngày 18/10/2012, bà có cho ông H số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng, số tiền này bà đã chuyển khoản từ tài khoản của bà tại Ngân hàng TMCP H5 cho bà Nguyễn Thị Thanh T3 theo yêu cầu của ông H để ông H nhận chuyển nhượng của bà T3 Quyền sử dụng đất tại nền đất có ký hiệu D98 thuộc khu nhà ở phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; ngoài ra, khi ông H tiến hành xây nhà trên nền đất vào năm 2013 bà còn cho riêng ông H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Bà H2 xác định không có ý kiến và yêu cầu gì đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Phương T – nguyên đơn trình bày:

Bà T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G; $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe Porsche biển số 51F-217.38 và $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị Quyền sử dụng các phần đất tọa lạc tại ấp R xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Tổng cộng số tiền yêu cầu được nhận (làm tròn) là 30.000.000.000 (ba mươi tỷ) đồng.

Đối với giá trị tài sản tranh chấp: Bà T đồng ý các kết quả định giá theo chứng thư của Công ty Cổ phần T7 lập.

- Ông Nguyễn Mạnh H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T.

Đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại: Ngày 25/11/2021, ông H có đơn rút lại toàn bộ, không yêu cầu xem xét nữa.

Đối với giá trị tài sản tranh chấp: Ông H đồng ý với kết quả định giá theo chứng thư định giá số 163/BDS.2022.06 ngày 08/6/2022 của Công ty Cổ phần T7 lập đối với tài sản tranh chấp là nhà đất tọa lạc tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có giá thẩm định là 33.429.848.000 (ba mươi ba tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn) đồng; không đồng ý (nhưng không yêu cầu thẩm định giá lại) với kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số 203/BDS.2022.07 ngày 26/7/2022 của Công ty Cổ phần T7 lập đối với tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất của các thửa đất số 394, 350, 375, 376, 398, 433, 455 thuộc tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 8, tờ bản đồ số 23 tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An có giá trị thẩm định là 23.834.533.000 (hai mươi ba tỷ tám trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ba mươi ba ngàn) đồng vì cho rằng thực tế tài sản trên ông H đã chuyển nhượng lại cho bà T2 và bà Đ với giá 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

- Bà H'Wiêng N2, bà Nguyễn Thị Đ và Văn phòng C vẫn giữ nguyên ý kiến như trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm lần 2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 636/2022/DSST ngày 09 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 5, khoản 7 và khoản 13 Điều 3; khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 43 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương T về việc buộc bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H phải chia cho bà T $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G; $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 và $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị Quyền sử dụng phần đất tọa lạc tại ấp R xã M, huyện Đ, tỉnh Long An tương đương số tiền là 30.000.000.000 (ba mươi tỷ) đồng.

2. Xác định chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38; Quyền sử dụng tại các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 tờ bản đồ số 15 và thửa số 8 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và nhà đất tại địa chỉ số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông Nguyễn Mạnh H.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H đề ngày 25/5/2018 về việc yêu cầu xác định lại tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H đề ngày 14/3/2018 về việc yêu cầu bà T phải bồi thường số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/9/2022, bà Nguyễn Thị Phương T kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn và người kháng cáo là bà Nguyễn Thị Phương T (do ông Thân Công T1 làm đại diện) không rút yêu cầu khởi kiện.

Về yêu cầu kháng cáo:

. Đối với căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G: Trước đây nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị, nay chỉ kháng cáo yêu cầu chia 30% giá trị nhà, đất theo giá của Hội đồng định giá ở giai đoạn sơ thẩm với lý do bà T có công sức đóng góp để tạo ra căn nhà nói trên.

. Đối với kháng cáo yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 và $\frac{1}{2}$ giá trị Quyền sử dụng các thửa đất tọa lạc tại ấp R xã M, huyện Đ, tỉnh Long An: Nguyên đơn rút lại không kháng cáo nữa.

Ông Nguyễn Mạnh H – bị đơn (do bà Nguyễn Ngọc Xuân N làm đại diện) không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn với lý do căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G do ông H tạo lập trước khi kết hôn với bà T.

Ngoài ra, đại diện ông H còn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà H'Wiêng N2, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T2, bà Quách Thị H2 và Văn phòng C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo cho các bên đương sự được phát biểu ý kiến, trình bày quan điểm và tranh luận; các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương T còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào trình bày của đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 78/2016/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân Quận 7 giải quyết vụ án Ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T với bị đơn ông Nguyễn Mạnh H thể hiện phần tài sản chung ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 và $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị Quyền sử dụng đất tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thân Công T1 (người đại diện theo ủy quyền của bà T) rút kháng cáo không yêu cầu xem xét lại phần này, do đó căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu của bà T về yêu cầu chia các tài sản trên.

* Đối với yêu cầu chia 30% giá trị nhà, đất tọa lạc tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về nguồn gốc nhà đất: Ngày 13/10/2012, bà Nguyễn Thị Thanh T3 ký Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Mạnh H lô đất D98 khu nhà ở thấp tầng tại khu đô thị M, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 6.510.000.000 (sáu tỷ năm trăm mười triệu) đồng; ngày 18/10/2012, ông Nguyễn Đình T4 cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thanh T3 và ông Nguyễn Minh H3 ký Hợp đồng chuyển nhượng Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở; ngày 18/10/2012, bà Quách Thị H2 (mẹ ông H3) chuyển qua tài khoản của bà T3 số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng; ngày 12/12/2012, Công ty H4 và ông H3 ký Phụ lục hợp đồng số 7 với nội dung ông H3 thuê Công ty H4 xây dựng nhà ở theo thỏa thuận và ngày 12/8/2013, Công ty H4 và ông H3 lập Biên bản quyết toán khối lượng xây dựng phần thô.

Nguyên đơn bà T cho rằng nhà, đất trên là tài sản chung của bà và ông H3 tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên bà yêu cầu chia 50% giá trị. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà T cung cấp Bản sao kê tài khoản thể hiện bà có chuyển tiền cho ông H3 nhưng không thể hiện nội dung chuyển tiền để mua đất, đầu tư xây dựng nhà; tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/9/2022, bà T cung cấp chứng cứ là Bản sao kê tài khoản của ông Nguyễn Mạnh T5 (em bà T) và ông Nguyễn Trường S (bố bà T) nhưng tại các Bản sao kê không thể hiện người nhận và không thể hiện nội dung chuyển tiền.

Trên thực tế, bà T và ông H3 tổ chức lễ cưới từ tháng 02/2012, có con chung sinh ngày 26/01/2013 và đăng ký kết hôn ngày 07/6/2013. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa ông H3 và bà T được xác lập kể từ ngày 07/6/2013, do đó tại thời điểm ông H3 xác lập giao dịch mua bán nền đất với bà T3 (vào ngày 13/10/2012) thì giữa ông H3 và bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng; ngoài ra, nguồn tiền mua nền đất do bà H2 (mẹ ông H3) xác định cho riêng ông H3, số tiền còn lại do ông H3 trả bằng tiền mặt cho bà T3.

Như vậy, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh nguồn tiền mua đất, xây nhà là từ thu nhập chung của bà và ông H3, vì vậy không có căn cứ xác định đây là tài sản chung của bà T và ông H3 nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia 50% giá trị nhà, đất trên của bà T là có cơ sở. Bà T kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông Thân Công T1 (người đại diện theo ủy quyền của bà T) yêu cầu chia 30% giá trị nhà đất số G, đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở chấp nhận.

* Đối với việc ông H3 rút yêu cầu Tòa án xác định lại các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H3 và bà T, buộc bà T trả cho ông H3 số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng do đã được chia vượt quá 50% tổng giá trị tài sản chung và buộc bà T phải bồi thường số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

* Về án phí:

Cấp sơ thẩm xác định các tài sản bà T tranh chấp yêu cầu chia là tài sản riêng của ông H3 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Do đó, căn

cứ quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 138.000.000 (một trăm ba mươi tám triệu) đồng là không đúng.

Ngoài ra, Theo Công văn 2551/CCTHADS ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, kết quả thi hành tính đến thời điểm ban hành Quyết định đình chỉ thi hành án chủ động số 2310/QĐ-CCTHADS ngày 01/8/2019 thể hiện tổng cộng bà T đã nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 121.707.598 (một trăm hai mươi một triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn năm trăm chín mươi tám) đồng và ông H3 đã nộp tiền án phí là 36.300.000 (ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn) đồng. Như vậy, cần phải hoàn trả lại cho bà T và ông H3 số tiền đã nộp còn dư.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

. Đình chỉ xét xử một phần vụ án phúc thẩm đối với yêu cầu đã rút của bà T về việc chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 và $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị Quyền sử dụng các thửa đất tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An;

. Không chấp nhận kháng cáo của bà T về việc yêu cầu chia 30% giá trị nhà, đất tọa lạc tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm theo hướng đã phân tích trên.

. Các phần khác của Bản án sơ thẩm vẫn giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phương T phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bà Quách Thị H2, bà H' Wiêng Niê, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T2 và Văn phòng C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng như đã nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H sống chung như vợ chồng từ năm 2012 sau đó thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Hải Phòng vào ngày 07/6/2013;

bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên có đơn xin ly hôn với ông H. Ngày 28/01/2016, bà T và ông Hiếu thuận t ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 78/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận 7, trong đó phân tài sản chung bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 03/10/2017, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H. Ông H cho rằng trước khi ly hôn ông và bà T đã thỏa thuận và thực hiện xong việc phân chia tài sản chung của vợ chồng nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nhận thấy:

[3.1]. Đối với chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 và Quyền sử dụng các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T (do ông Thân Công T1 làm đại diện) rút kháng cáo, không yêu cầu xem xét lại phần này nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với yêu cầu kháng cáo bà T đã rút như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[3.2]. Đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị nhà, đất tọa lạc tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G:

Theo lời trình bày của ông H và bà T thì cả hai sống chung như vợ chồng từ năm 2012, đến ngày 07/6/2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; qua đối chiếu với khoản 13 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định thì thời kỳ hôn nhân được xác định “là khoảng thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng, được tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân”. Như vậy, có cơ sở xác định phần đất tọa lạc tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G được hình thành trong giai đoạn bà T và ông H sống chung như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn, nhà cũng được xây dựng trước khi kết hôn đồng thời được tiếp tục xây dựng sau đó hoàn thành sau khi kết hôn khoảng 02 tháng.

Để chứng minh nhà, đất nêu trên là tài sản riêng của mình, ông H xuất trình Hợp đồng chuyển nhượng nền nhà được ông và bà Nguyễn Thị Thanh T3 ký kết ngày 13/10/2012 với giá chuyển nhượng là 6.510.000.000 (sáu tỷ năm trăm mười triệu) đồng; Hợp đồng chuyển nhượng, Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở được ông và vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T3, ông Phan Đình T6 ký kết ngày 18/10/2012; cùng ngày 18/10/2012 ông H nhờ bà Quách Thị H2 (mẹ ruột ông H) chuyển trả cho vợ chồng bà T3 số tiền là 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng (theo Giấy báo nợ ngày 18/10/2012, Bản sao kê tài khoản ngày 18/10/2012 của Ngân hàng TMCP H5 thể hiện việc bà H2 chuyển số tiền 5.500.000.000 đồng cho bà T3) đồng thời bà H2 khẳng định đây là số tiền bà

cho riêng con trai bà là ông H để mua đất xây nhà. Đến ngày 12/12/2012, ông H ký Phụ lục Hợp đồng số 7 thuê Công ty Cổ phần H4 xây dựng nhà ở theo thỏa thuận trong Hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở và ngày 12/08/2013 ông H và Công ty Cổ phần H4 lập biên bản quyết toán khối lượng xây dựng công trình hoàn thành phần thô.

Về phía bà T: Trong quá trình tố tụng, ngày 31/03/2021 Tòa án nhân dân Quận 7 đã ban hành Quyết định số 129/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu bà T cung cấp chứng cứ để chứng minh số tiền đã chuyển cho ông H để mua đất, xây nhà là bao nhiêu cũng như chứng minh việc bà và ông H cùng sản xuất kinh doanh để có thu nhập chung; tuy nhiên, ngoài việc bà T khai rằng bà và ông H cưới xong thì gặp may mắn trong làm ăn nên dành dụm đủ tiền để mua căn nhà trên thì bà T không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh tài sản trên được tạo lập từ thu nhập chung của bà và ông H hay từ tiền bà chuyển cho ông H trong thời gian sống chung, cũng không chứng minh được giữa bà và ông H có văn bản thỏa thuận nhập phần nhà và đất tọa lạc tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G thành tài sản chung.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2) bà T còn xuất trình Bản sao kê tài khoản của bà, của ông Nguyễn Mạnh T5 (là em bà T) và của ông Nguyễn Trường S (là bố bà T) nhưng tại các Bản sao kê không thể hiện người nhận và không thể hiện nội dung chuyển tiền là để mua đất và xây nhà; bên cạnh đó, bà T còn cho rằng trước đây bà và ông H có nhờ hai người này chuyển tiền cho bà H2 để bà H2 giữ dùm sau này mua nhà cho bà và ông H, khi thì cho rằng chuyển cho bà H2 để kinh doanh nhưng không có chứng cứ chứng minh, phía ông H thì cho rằng không có sự việc này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà, đất tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G là tài sản riêng của ông H là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm về phần tài sản như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T khởi kiện ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn nhưng Hội đồng xét xử xác định các tài sản bà T yêu cầu chia là tài sản của ông H nên căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa chính xác.

Ngoài ra, sau khi Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm (lần 1) và do có kháng cáo của ông H nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm, sau đó Tòa án nhân dân cấp cao hủy Bản án sơ

thẩm và Bản án phúc thẩm; tuy nhiên, sau khi giải quyết lại Tranh chấp giữa bà T và ông H theo thủ tục sơ thẩm (lần 2), Tòa án nhân dân Quận 7 không tiến hành xác minh kết quả thi hành án để giải quyết lại phần án phí sơ thẩm là có thiếu sót nên cấp phúc thẩm căn cứ vào kết quả trả lời tại Văn bản số 2651/CCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 7 để điều chỉnh lại phần này như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[4.2]. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T không được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo nên phải chịu.

[5]. Đối với đề nghị của ông H (do bà Nguyễn Ngọc Xuân N làm đại diện) về việc hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình tố tụng, ngày 11/01/2018 bà Nguyễn Thị Phương T có Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; căn cứ theo Đơn yêu cầu của bà T, ngày 09/02/2018 Tòa án nhân dân Quận 7 ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT với nội dung: Cấm chuyển dịch quyền về tài sản dưới mọi hình thức (cấm giao dịch sang nhượng, mua bán, thế chấp, tặng cho....) đối với các tài sản đang tranh chấp quy định tại Điều 121 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, gồm: Nhà và đất tại số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và Q sử dụng các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 8 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tại cấp phúc thẩm, do Hội đồng xét xử đã xác định các tài sản đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời như đã nêu trên là tài sản của ông H nên cần thiết phải hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh như đề nghị của ông H tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 7 và khoản 13 Điều 3, khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 43 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương T về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe ô tô (hiệu Porsche) biển số 51F-217.38 và $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị Quyền sử dụng các thửa đất tọa lạc tại ấp R xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương T.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương T về việc yêu cầu bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H phải chia cho bà T:

. $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX134631, sổ vào sổ cấp GCN: CT39888 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 14/01/2015, đăng ký thay đổi ngày 09/02/2017);

. $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị chiếc xe ô tô (hiệu Porsche, phiên bản Panamera mua năm 2015, số khung WP1ZZZ95ZFLB18859, số máy: CNC098106) biển số 51F-217.38;

. $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị Quyền sử dụng đất tại các thửa số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 tờ bản đồ số 15 và thửa số 8 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp R xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2.2. Xác định căn nhà số G đường số D, khu dân cư H, phường T, Quận G (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX134631, sổ vào sổ cấp GCN: CT39888 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp ngày 14/01/2015, đăng ký thay đổi ngày 09/02/2017); chiếc xe ô tô (hiệu Porsche, phiên bản Panamera mua năm 2015, số khung WP1ZZZ95ZFLB18859, số máy: CNC098106) biển số 51F-217.38 và Quyền sử dụng đất tại các thửa số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 tờ bản đồ số 15 và thửa số 8 tờ bản đồ số 23 tọa lạc tại ấp R xã M, huyện Đ, tỉnh Long An là tài sản của ông Nguyễn Mạnh H.

2.3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H đề ngày 25/5/2018 về việc yêu cầu xác định lại tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn - ông Nguyễn Mạnh H đề ngày 14/3/2018 về việc yêu cầu bà T phải bồi thường số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

3. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

. Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền đã nộp là 121.707.598 (một trăm hai mươi một triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn năm trăm chín mươi tám) đồng theo biên lai số AA/2017/0024534 ngày 01/11/2017, biên lai số AA/2017/0025378 ngày 24/4/2018 và biên lai số 0032573 ngày 09/3/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 7. Hoàn trả cho bà T số tiền còn dư là 121.407.598 (một trăm hai mươi một triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn năm trăm chín mươi tám) đồng.

. Hoàn tiền án phí đã nộp cho ông Nguyễn Mạnh H là 36.300.000 (ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0025582 ngày 12/6/2018 và biên lai số 0026248 ngày 23/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014838 ngày 11/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 7. Bà T không phải nộp thêm án phí dân sự phúc thẩm.

- Chi phí tố tụng: Bà T tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan

